

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-5-2024
Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Châu

2. Ông Phạm Quốc Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2024/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số D C, phường E, thành phố T, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Ông Dương Ngọc T1, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

(Các đương sự đều có mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Bà và ông T1 tự tìm hiểu, kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T ngày 05/10/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà xác định không còn tình cảm với ông T1 và thấy không thể hàn gắn được hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có 01 con chung tên Dương Khả H, sinh ngày 07/8/2021. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu

ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Dương Ngọc T1 trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn và con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông T1 trình bày là không có. Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T do còn thương vợ con.

Về con chung: Bà và bà T có 01 con chung tên Dương Khả H, sinh ngày 07/8/2021. Trường hợp nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Cẩm T nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Dương Ngọc T1. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà T và ông T1 được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc. Bà T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà T xác định không còn tình cảm với ông T1 và thấy không thể hàn gắn được hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Ông T1 không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm T do ông không biết vì sao bà T yêu cầu ly hôn với ông.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân hạnh phúc phải dựa trên nền tảng của sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, cảm thông và chia sẻ. Theo khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Ông T1 không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân, hóa giải mâu thuẫn, thuyết phục bà T quay về để gia đình đoàn tụ. Bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn cho thấy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ các phân tích trên, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm T có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung:

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Dương Khả H, sinh ngày 07/8/2021. Ông T1, bà T đều là công nhân có thu nhập ổn định với mức lương 8.000.000 đồng/tháng. Xét thấy bé Khả H là bé gái, đang sống với bà T đang học tại trường mẫu giáo tại phường E, thành phố T, tỉnh Long An. Nhằm không làm thay đổi hoàn cảnh sống, ảnh hưởng đến sự phát triển của tâm lý trẻ nên cần giao cháu Dương Khả H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông T1 được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về nợ chung: Cho đến nay không có ai khởi kiện về việc nợ chung của bà T, ông T1 nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung: Bà T, ông T1 xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Ông T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Dương Ngọc T1.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Dương Ngọc T1.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Dương Khả H, sinh ngày 07/8/2021. Ông Dương Ngọc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng Dương N ông T1 được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008244, ngày 13/3/20204 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Ông Dương Ngọc T1 không phải chịu án phí.

3. Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- CCTHADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Thủ Thừa;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tơ